

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



XÂY DỰNG WEBSITE SIÊU THỊ THỰC PHẨM TRỰC TUYẾN SLT



YÊU CẦU SẢN PHẨM (PRODUCT BACKLOG)

Version 2.0

Thành viên trong nhóm

<i>Hồ Văn Anh Sơn</i>	<i>2321129860</i>
<i>Nguyễn Nhật Linh</i>	<i>23211210028</i>
<i>Lê Trọng Tài</i>	<i>2321712654</i>

Đà Nẵng, 10/2021

THÔNG TIN DỰ ÁN

Tên viết tắt Dự án			
Tên Dự án	Xây dựng website siêu thị thực phẩm trực tuyến SLT		
Ngày Bắt đầu	01/10/2021	Ngày Kết thúc	09/12/2021
Khoa	Khoa CNTT, Đại học Duy Tân		
Người Hướng dẫn	TS.Trương Tiến Vũ Email: truongtienvu@dtu.edu.vn Phone: 0914083188		
Quản lý Dự án	Hồ Văn Anh Sơn Email: sonmartin1999@gmail.com Phone: 0777960874		
Đơn vị Hỗ trợ			
Thành viên	Hồ Văn Anh Sơn	sonmartin1999@gmail.com	0777960874
	Nguyễn Nhật Linh	nguyennhatlinh1003@gmail.com	0776122861
	Lê Trọng Tài	trongtaile11@gmail.com	0794240185

THÔNG TIN TÀI LIỆU

Dự án	Xây dựng website siêu thị thực phẩm trực tuyến SLT
Tên tài liệu	Yêu cầu sản phẩm
Người tạo	Lê Trọng Tài

LỊCH SỬ THAY ĐỔI TÀI LIỆU

Phiên bản	Người tạo	Ngày	Mô tả
1.0	Lê Trọng Tài	04/10/2021	Tạo mới tài liệu
1.1			

DUYỆT TÀI LIỆU

Họ tên	Vai trò	Ngày	Chữ ký
TS. Trương Tiến Vũ	Mentor	10/2021	
Hồ Văn Anh Sơn	Scrum Master/ Product Owner	10/2021	
Nguyễn Nhật Linh	Team Member	10/2021	
Lê Trọng Tài	Team Member	10/2021	

MỤC LỤC

1. Giới thiệu.....	6
1.1. Mục đích	6
1.2. Phạm vi	6
1.3. Tài liệu tham khảo	6
2. Product Backlog	7
2.1. Đặc tả Product Backlog	7
2.2. Biểu đồ Usecase Product Backlog.....	8
2.3. Phân tích các giai đoạn phát triển.....	9
3. Điều kiện ràng buộc	9
4. Tóm tắt mô tả các bên liên quan và người dùng	10
5. Bảng WBS	11
6. Mô tả sản phẩm dự tính.....	12
6.1. U01 – Đăng kí.....	12
6.2. U02 – Đăng nhập.....	13
6.3. U03 – Quản lý Danh mục	15
6.3.1. U03.1 – Thêm danh mục.....	15
6.3.2. U03.2 – Cập nhật danh mục	16
6.3.3. U03.3 – Xóa danh mục	17
6.4. U04 – Quản lý sản phẩm	18
6.4.1. U04.1 – Thêm sản phẩm.....	19
6.4.2. U04.2 – Cập nhật sản phẩm	20
6.4.3. U04.3 – Xóa sản phẩm.....	21
6.5. U05 – Quản lý đơn hàng.....	22
6.5.1. U05.1 – Xem lịch sử đơn hàng đã giao dịch	22
6.6. U06 – Tìm kiếm, sắp xếp sản phẩm	23

6.6.1.	U06.1 – Tìm kiếm sản phẩm.....	23
6.6.2.	U06.1 – sắp xếp sản phẩm	24
6.7.	U07– Xem chi tiết sản phẩm	26
6.8.	U08 – Quản lý giỏ hàng.....	27
6.8.1.	U08.1 – Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	27
6.8.2.	U08.2 – Cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng.....	28
6.8.3.	U08.3 – Xóa sản phẩm trong giỏ hàng	29
6.9.	U09 – Mua hàng	30
6.10.	U10 – Thanh toán.....	31
6.11.	U11 – Xem lịch sử giao dịch.....	33

1. Giới thiệu

1.1. Mục đích

Tài liệu Product Backlog này mô tả các yêu cầu về chức năng, phi chức năng và hiệu suất của hệ thống quản lý nhân sự. Tài liệu này dự định sẽ được sử dụng bởi các thành viên của nhóm dự án sẽ triển khai và xác minh chức năng chính xác của hệ thống. Trừ khi có ghi chú khác, tất cả các yêu cầu được chỉ định ở đây đều có mức độ ưu tiên cao và được cam kết cho phiên bản 1.0.

1.2. Phạm vi

Bao gồm yêu cầu thông số kỹ thuật tồn đọng sản phẩm, đặt mức độ ưu tiên cho sản phẩm tồn đọng.

Bao gồm một mô tả ngắn về chức năng mong muốn có trong sản phẩm.

Xác định các thuộc tính phân biệt vai trò người dùng này với vai trò khác.

Phân rã sản phẩm tồn đọng thành cấp độ tồn đọng nước rút.

1.3. Tài liệu tham khảo

STT	Tài liệu tham khảo	Chú ý
1	http://agilebench.com/blog/the-product-backlog-for-agile-teams	Cách tạo ProductBacklog
2	http://www.mountangoatsoftware.com/agile/scrum/product-backlog/example/	Ví dụ về ProductBacklog

Bảng 1: Tài liệu tham khảo

2. Product Backlog

2.1. Đặc tả Product Backlog

PBID	Chức năng	Thời gian ước lượng	Độ ưu tiên
PB1	Đăng kí	3 giờ	1
PB2	Đăng nhập, Đăng xuất	3 giờ	1
PB3	Quản lý danh mục	8 giờ	1
PB4	Quản lý sản phẩm	8 giờ	1
PB5	Quản lý đơn hàng	8 giờ	1
PB6	Tìm kiếm, sắp xếp sản phẩm	5 giờ	1
PB7	Xem chi tiết sản phẩm	3 giờ	2
PB8	Quản lý giỏ hàng	8 giờ	1
PB9	Mua hàng	5 giờ	1
PB10	Thanh toán	5 giờ	1
PB11	Xem lịch sử giao dịch	5 giờ	2

Mức độ	Mô tả
1	Mức độ cao nhất
2	Mức độ cao
3	Trung bình
4	Thấp

Bảng 2: Mức độ ưu tiên

2.2. Biểu đồ Usecase Product Backlog



Hình 1: Usecase Diagram

2.3. Phân tích các giai đoạn phát triển

Sprint	Chức năng	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
Bắt đầu	Thu thập, phân tích, yêu cầu tài liệu thiết kế và thiết kế cơ sở dữ liệu. Tạo kế hoạch dự án Câu chuyện người dùng, tồn đọng sản phẩm, thiết kế kiến trúc, thiết kế giao diện, tài liệu cơ sở dữ liệu.	01/10/2021	14/10/2021
Giai đoạn 1	PB1, PB2, PB3, PB4, PB6, PB7	15/10/2021	13/11/2021
Giai đoạn 2	PB5, PB8, PB9, PB10, PB11	14/11/2021	07/12/2021

Bảng 3: Breakdown Into Sprint Backlog

3. Điều kiện ràng buộc

Ràng buộc	Điều kiện
Thời gian	Giới hạn thời gian hoàn thành dự án trong 61 giờ nên thời gian hoàn thành dự án bị hạn chế.
Giới hạn con người	3 người làm việc cùng nhau để hoàn thành dự án.
Tích hợp hệ thống	Phải được kết nối với mạng Internet để hoạt động.
Requirements	

Bảng 4: Điều kiện ràng buộc

4. Tóm tắt mô tả các bên liên quan và người dùng

Tên	Mô tả	Vai trò
Product Owner	Người đưa ra yêu cầu	Cung cấp thông tin để phát triển hệ thống. Đưa ra quyết định chấp nhận và thực hiện dự án, làm bài kiểm tra đơn vị
Scrum Master	Đây là bên liên quan lãnh đạo, quản lý nhóm phát triển hệ thống	Kiểm soát, quản lý, giám sát, đảm bảo dự án hoàn thành đúng thời hạn, trong phạm vi ngân sách, theo kế hoạch và theo yêu cầu

Bảng 5: Tóm tắt mô tả các bên liên quan và người dùng

5. Bảng WBS

Website siêu thị thực phẩm trực tuyến SLT

1.0 Đăng kí.

2.0 Đăng nhập.

3.0 Quản lý danh mục

2.1 Thêm danh mục.

2.2 Cập nhật danh mục.

2.3 Xóa danh mục.

4.0 Quản lý sản phẩm

4.1 Thêm sản phẩm.

4.2 Cập nhật sản phẩm.

4.3 Xóa sản phẩm.

5.0 Quản lý đơn hàng

5.1 Xem lịch sử đơn hàng đã giao dịch.

6.0 Tìm kiếm, sắp xếp sản phẩm.

7.0 Xem chi tiết sản phẩm.

8.0 Quản lý giỏ hàng

8.1 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.

8.2 Cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng.

8.3 Xóa sản phẩm trong giỏ hàng.

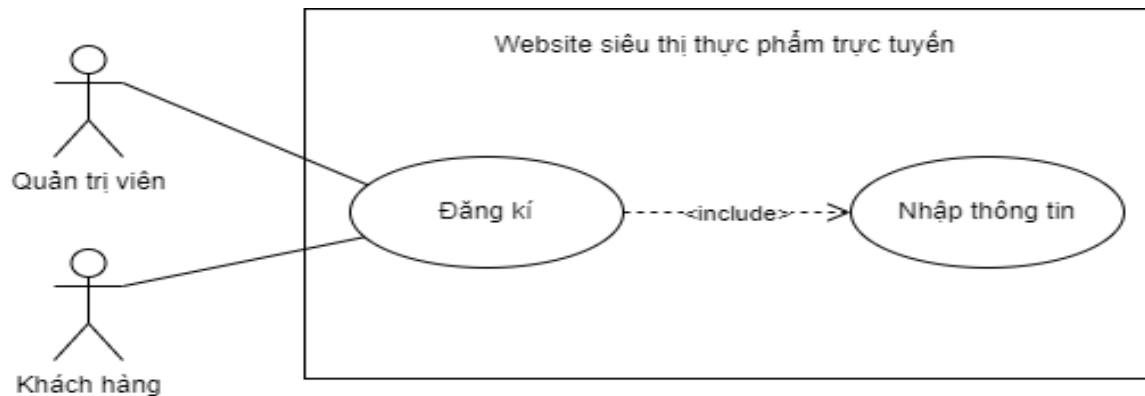
9.0 Mua hàng.

10.0 Thanh toán

11.0 Xem lịch sử giao dịch.

6. Mô tả sản phẩm dự tính

6.1. U01 – Đăng kí

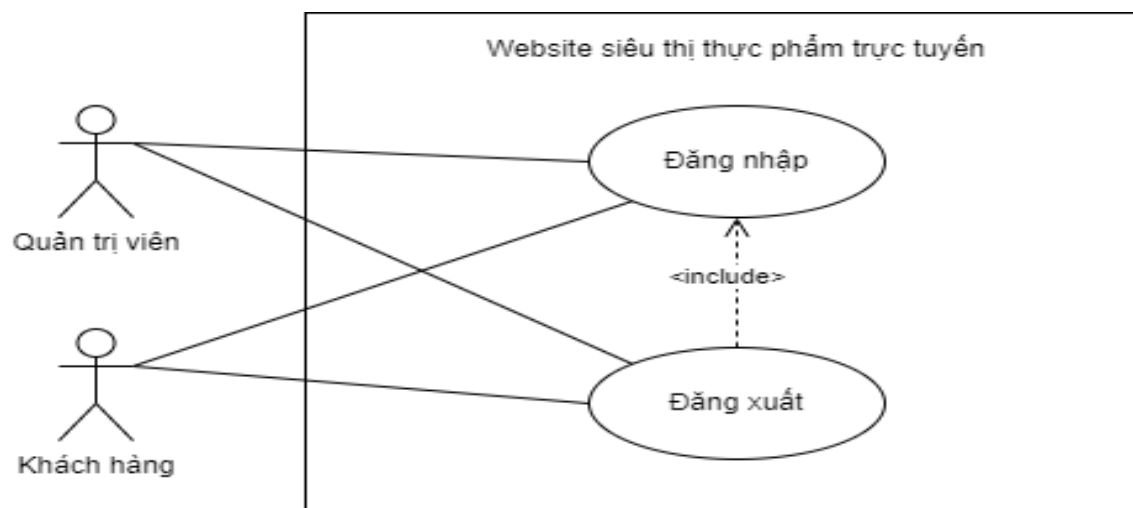


Hình 2.1 Biểu đồ Usecase Đăng kí

ID	U01	
Tên chức năng	Đăng kí.	
Tác nhân	Quản trị viên, khách hàng.	
Mục đích	Đăng kí tài khoản .	
Đầu vào	Nhập thông tin.	
Đầu ra	Hiện thông báo đăng kí thành công.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng Đăng kí.	2. Hệ thống hiển thị giao diện Đăng kí.
	3. Người dùng nhập thông tin.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào.

		5.1.Nếu thông tin không bị trùng, hiển thị thông báo Đăng kí thành công.
		5.2.Nếu thông tin bị trùng, hiển thị thông báo Đăng nhập thất bại.
Luồng thay thế	4.2. Nếu bỏ trống trường thông tin hệ thống sẽ hiển thị yêu cầu nhập thông tin.	

6.2. U02 – Đăng nhập

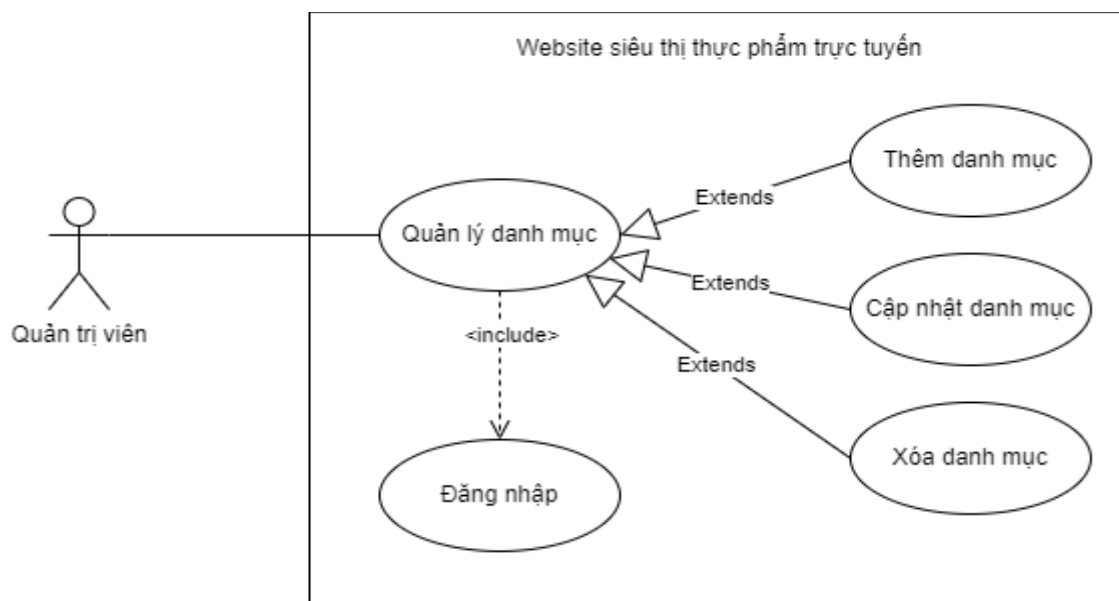


Hình 2.2 Biểu đồ Usecase Đăng nhập

ID	U02
Tên chức năng	Đăng nhập.
Tác nhân	Quản trị viên, khách hàng.
Mục đích	Đăng nhập vào Website siêu thị thực phẩm trực tuyến SLT với quyền Quản trị viên và quyền Khách hàng

Đầu vào	Thông tin đăng nhập: tài khoản, mật khẩu.	
Đầu ra	Giao diện tương ứng với quyền truy cập.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng Đăng nhập.	2. Hệ thống hiển thị giao diện Đăng nhập.
	3. Người dùng nhập Tên tài khoản và mật khẩu.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào.
		5.1.Nếu thông tin hợp lệ, hiển thị Website siêu thị thực phẩm trực tuyến SLT với quyền truy cập là Quản trị viên nếu là Quản trị viên và với quyền truy cập là Khách hàng nếu là khách hàng.
		5.2.Nếu thông tin không hợp lệ hiển thị thông báo Đăng nhập thất bại.
Luồng thay thế	<p>4.2. Nếu bỏ trống trường mật khẩu hệ thống sẽ hiển thị yêu cầu nhập mật khẩu.</p> <p>4.3. Nếu bỏ trống trường tên tài khoản hệ thống sẽ hiển thị yêu cầu nhập tên tài khoản.</p>	

6.3. U03 – Quản lý Danh mục



Hình 2.3 Biểu đồ Use case Quản lý danh mục

6.3.1. U03.1 – Thêm danh mục

ID	U03.1	
Tên chức năng	Thêm danh mục	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Mục đích	Thêm mới một danh mục	
Đầu vào	Tiêu đề một danh mục	
Đầu ra	Danh mục được thêm vào danh sách danh mục, hiển thị lại danh sách danh mục.	
Lưuồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý danh mục.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý danh mục.

	3. Người dùng nhập tiêu đề danh mục cần thêm mới và nhấn nút “Thêm”.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào.
		5.1. Nếu thông tin hợp lệ, thực hiện thêm mới danh mục vào danh sách, thông báo “Thêm mới danh mục thành công” và hiển thị lại danh sách danh mục.
Luồng thay thế	5.2. Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo yêu cầu nhập tiêu đề danh mục không được trùng . 5.3. Nếu bỏ trống trường tiêu đề hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ.	

6.3.2. U03.2 – Cập nhật danh mục

ID	U03.2
Tên chức năng	Cập nhật danh mục
Tác nhân	Quản trị viên.
Mục đích	Cập nhật lại một danh mục
Đầu vào	Tiêu đề danh mục cần cập nhật
Đầu ra	Thông tin chuyển tải sau khi cập nhật thành công

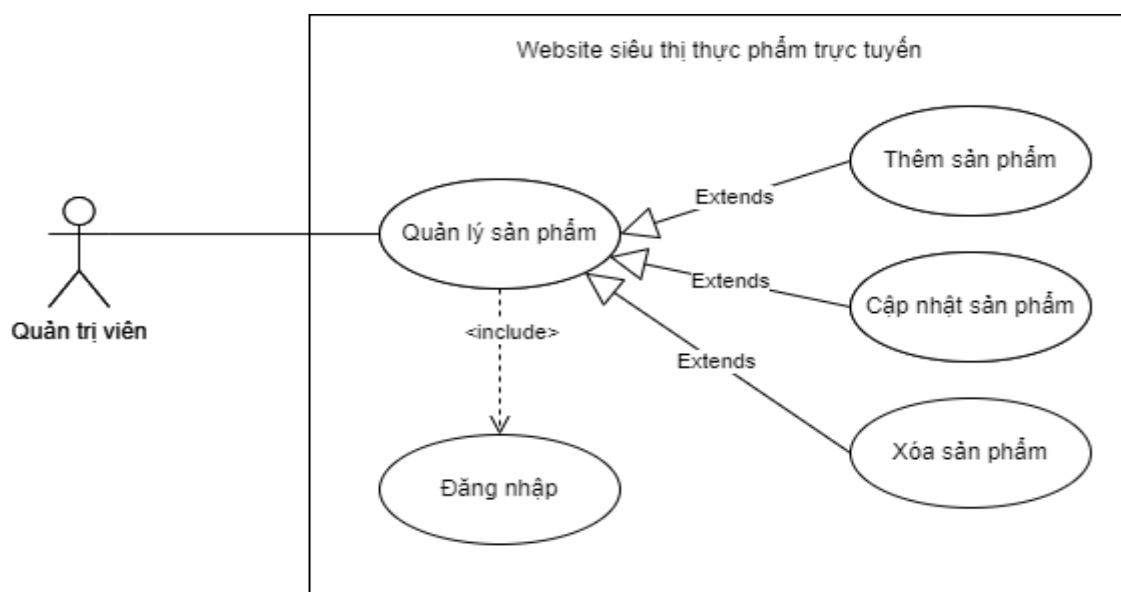
	Tác nhân	Hệ thống
Luồng sự kiện chính	1. Người dùng chọn chức năng quản lý danh mục.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý danh mục.
	3. Người dùng nhấn vào nút “Cập nhật” tại danh mục cần cập nhật.	4. Hệ thống hiển thị tiêu đề danh mục vừa chọn bên trường cần cập nhật.
	5. Người dùng nhập lại tiêu đề danh mục cần thay đổi và nhấn nút “Cập nhật”.	6. Hệ thống kiểm tra thông tin cập nhật
		6.1. Nếu thông tin hợp lệ, cập nhật thông tin danh mục và hiển thị thông báo “Cập nhật thành công”.
Luồng thay thế	6.2. Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo yêu cầu nhập đúng thông tin. 6.3. Nếu bỏ trống một trong các trường hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ.	

6.3.3. U03.3 – Xóa danh mục

ID	U03.3
Tên chức năng	Xóa danh mục
Tác nhân	Quản trị viên.
Mục đích	Xóa một danh mục

Đầu vào	Danh mục cần xóa	
Đầu ra	Hiển thị thông báo xóa danh mục thành công hay thất bại, hiển thị lại danh sách danh mục.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý danh mục.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý danh mục.
	3. Người dùng nhấn nút “Xóa” ở danh mục cần xóa.	4. Hệ thống hiển thị thông báo “Xóa danh mục thành công” và hiển thị lại giao diện quản lý danh mục
Luồng thay thế		

6.4. U04 – Quản lý sản phẩm



Hình 2.4 Biểu đồ Use case Quản lý sản phẩm

6.4.1. U04.1 – Thêm sản phẩm

ID	U04.1	
Tên chức năng	Thêm sản phẩm	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Mục đích	Thêm mới một sản phẩm	
Đầu vào	Các thông tin của sản phẩm cần thêm mới: ID, tiêu đề, giá, mô tả, nội dung, danh mục, hình ảnh.	
Đầu ra	Sản phẩm được thêm vào danh sách sản phẩm, hiển thị lại danh sách sản phẩm.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý sản phẩm.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm.
	3. Người dùng nhập thông tin sản phẩm cần thêm mới và nhấn nút “Thêm”.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào.
		5.1. Nếu thông tin hợp lệ, thực hiện thêm mới sản phẩm vào danh sách, thông báo “Thêm mới sản phẩm thành công” và hiển thị lại danh sách sản phẩm.
Luồng thay thế	5.2. Nếu thông tin không hợp lệ, thông báo và yêu cầu nhập thông tin hợp lệ.	

	5.3. Nếu bỏ trống một trường bất kì, yêu cầu nhập đầy đủ thông tin.
--	---

6.4.2. U04.2 – Cập nhật sản phẩm

ID	U04.2	
Tên chức năng	Cập nhật sản phẩm	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Mục đích	Cập nhật mới một sản phẩm	
Đầu vào	Thông tin sản phẩm cần cập nhật	
Đầu ra	Thông tin sản phẩm sau khi cập nhật thành công	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý sản phẩm.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm.
	3. Người dùng nhấn vào nút “Cập nhật” tại sản phẩm cần cập nhật.	4. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm vừa chọn.
	5. Người dùng nhập, chọn hoặc xóa bỏ phần thông tin cần thay đổi và nhấn nút “Cập nhật”.	6. Hệ thống kiểm tra thông tin cập nhật

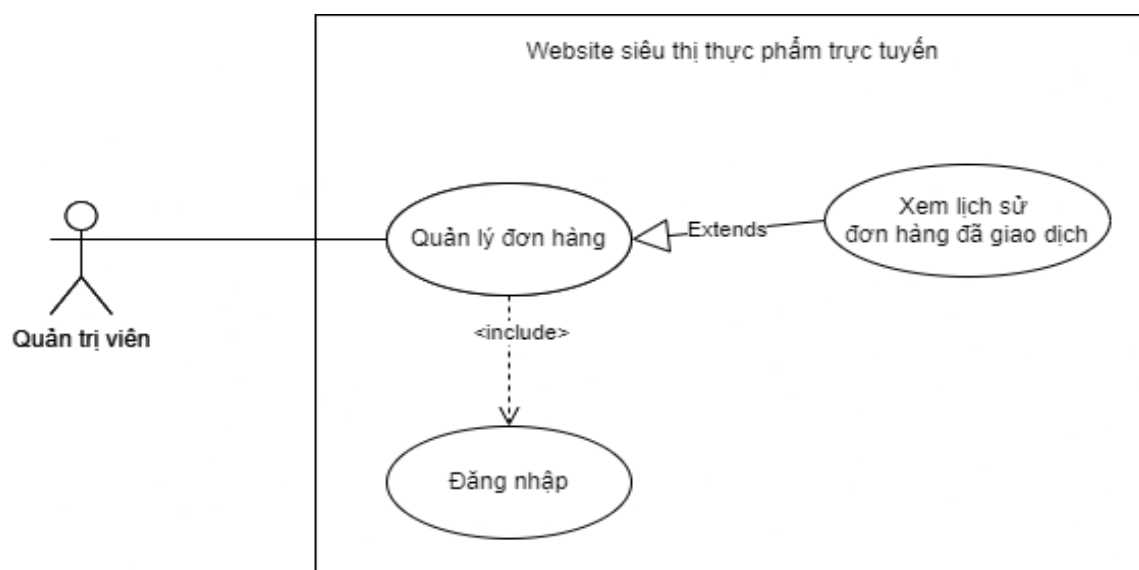
		7.1. Nếu thông tin hợp lệ, cập nhật thông tin sản phẩm và hiển thị thông báo “Cập nhật sản phẩm thành công”.
Luồng thay thế	7.2. Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo yêu cầu nhập đúng thông tin. 7.4. Nếu bỏ trống một trong các trường hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ.	

6.4.3. U04.3 – Xóa sản phẩm

ID	U04.3	
Tên chức năng	Xóa sản phẩm	
Tác nhân	Quản trị viên.	
Mục đích	Xóa một sản phẩm	
Đầu vào	Sản phẩm cần xóa	
Đầu ra	Hiển thị thông báo xóa sản phẩm thành công hay thất bại, hiển thị lại danh sách sản phẩm.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý sản phẩm.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm.
	3. Người dùng nhấn nút “Xóa” ở sản phẩm cần xóa.	4. Hệ thống xóa và hiển thị lại giao diện quản lý sản

		phẩm.
Luồng thay thế		

6.5. U05 – Quản lý đơn hàng



Hình 2.5: Biểu đồ usecase Quản lý đơn hàng

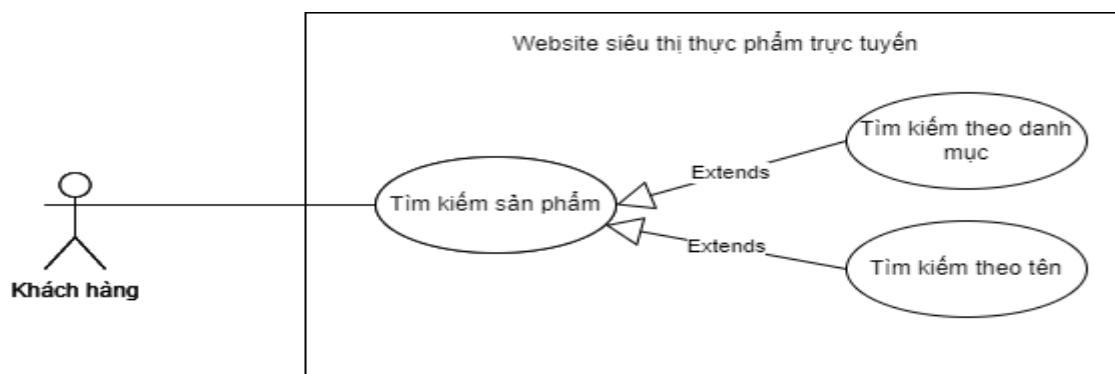
6.5.1. U05.1 – Xem lịch sử đơn hàng đã giao dịch

ID	U05.1
Tên chức năng	Xem lịch sử đơn hàng đã giao dịch.
Tác nhân	Quản trị viên.
Mục đích	Xem lịch sử tất cả đơn hàng đã giao dịch .
Đầu vào	Nhấn vào quản lý đơn hàng
Đầu ra	Hiển thị danh sách lịch sử giao dịch.

	Tác nhân	Hệ thống
Luồng sự kiện chính	1. Người dùng chọn chức năng quản lý đơn hàng.	2. Hệ thống hiển thị giao diện lịch sử các đơn hàng đã giao dịch.
Luồng thay thế		

6.6. U06 – Tìm kiếm, sắp xếp sản phẩm

6.6.1. U06.1 – Tìm kiếm sản phẩm

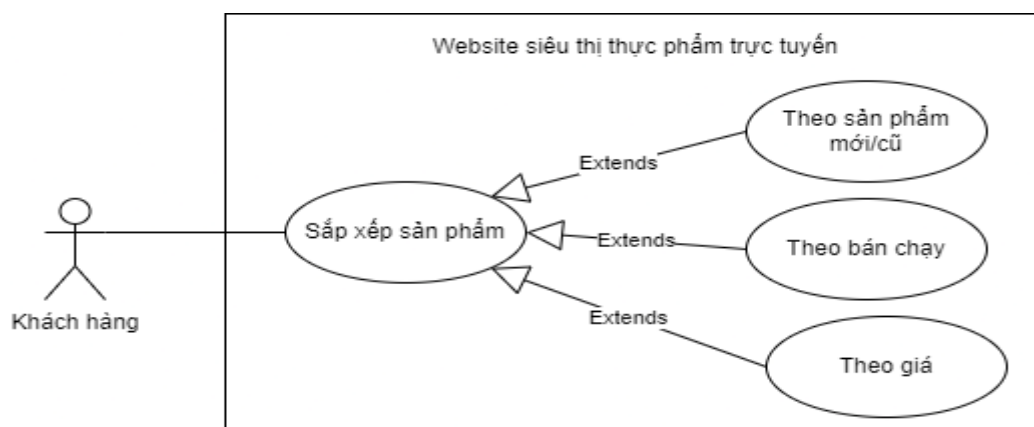


Hình 2.6: Biểu đồ Use case tìm kiếm sản phẩm

ID	U06.1
Tên chức năng	Tìm kiếm sản phẩm
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Tìm kiếm sản phẩm theo nhu cầu cá nhân.
Đầu vào	Các tiêu chí cần tìm kiếm: tên sản phẩm, danh mục.

Đầu ra	Danh sách các sản phẩm theo các tiêu chí đã chọn.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng Tìm sản phẩm	2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm để lựa chọn.
	3. Người dùng chọn sản phẩm trên nhu cầu cá nhân, nhấn “Tìm kiếm”	4. Hệ thống kiểm tra thông tin.
		5.1. Hiển thị danh sách những sản phẩm phù hợp với tên sản phẩm lựa chọn.
		5.2. Không thấy sản phẩm với yêu cầu tìm kiếm, hiển thị thông báo Không tìm thấy sản phẩm phù hợp.
Luồng thay thế		

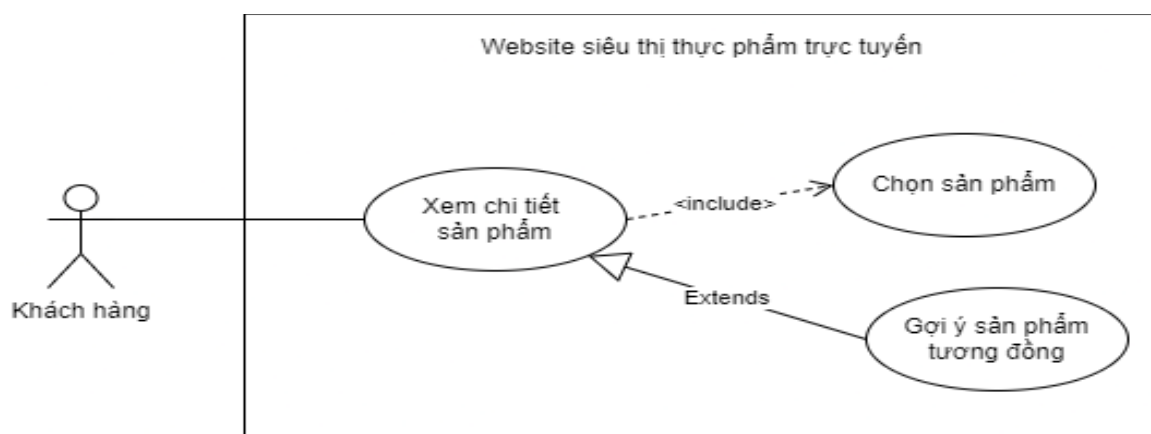
6.6.2. U06.1 – sắp xếp sản phẩm



Hình 2.7: Biểu đồ Use case sắp xếp sản phẩm

ID	U06.2	
Tên chức năng	Sắp xếp sản phẩm	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Sắp xếp sản phẩm theo nhu cầu cá nhân.	
Đầu vào	Các tiêu chí cần sắp xếp: theo sản phẩm mới/cũ, bán chạy, giá.	
Đầu ra	Danh sách các sản phẩm theo các tiêu chí đã chọn.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng sắp xếp sản phẩm	2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm để lựa chọn.
	3. Người dùng chọn sản phẩm trên nhu cầu cá nhân, nhấn “Sắp xếp”	4. Hệ thống kiểm tra thông tin.
		5. Hiển thị danh sách những sản phẩm phù hợp với tiêu chí sắp xếp.
Luồng thay thế		

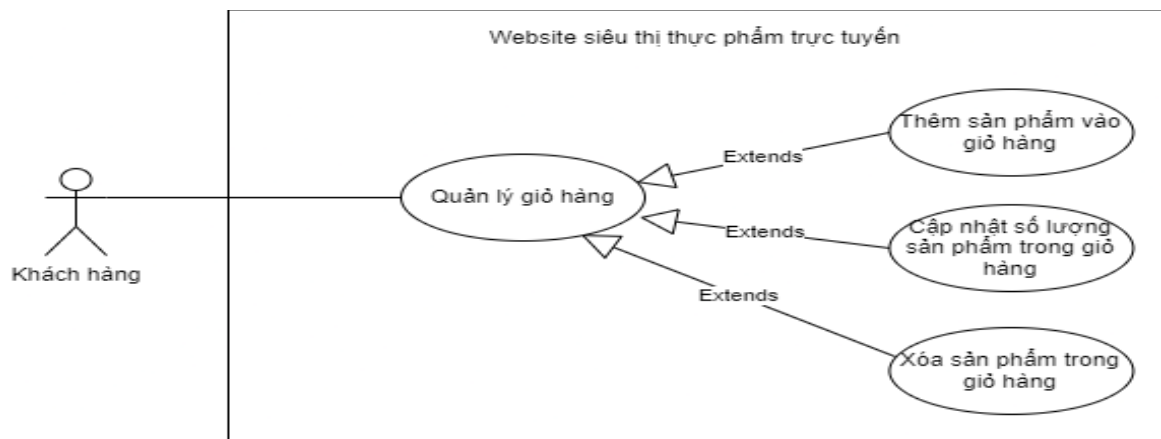
6.7. U07– Xem chi tiết sản phẩm



Hình 2.8: Biểu đồ Use case xem chi tiết sản phẩm

ID	U07	
Tên chức năng	Xem chi tiết sản phẩm	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Xem chi tiết sản phẩm.	
Đầu vào	Nhấn vào sản phẩm cần tìm.	
Đầu ra	Chi tiết về sản phẩm đã chọn.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn vào sản phẩm có trong siêu thị cần xem thông tin.	2. Hệ thống hiển thị ra giao diện chi tiết thông tin sản phẩm.
Luồng thay thế		

6.8. U08 – Quản lý giỏ hàng



Hình 2.9: Biểu đồ Use case Quản lý giỏ hàng

6.8.1. U08.1 – Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

ID	U08.1	
Tên chức năng	Thêm vé sản phẩm vào giỏ hàng	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Thêm mới sản phẩm vào giỏ hàng	
Đầu vào	Chọn sản phẩm cần thêm vào giỏ hàng	
Đầu ra	Sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý giỏ hàng.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý giỏ hàng.
	3. Người dùng nhấn nút “Mua”	4. Hệ thống sẽ quay lại danh sách các sản phẩm.

	5. Người dùng chọn sản phẩm muốn thêm vào và nhấn nút “Mua”	6.1. Hệ thống sẽ thêm mới sản phẩm vào giỏ hàng.
		6.2. Hệ thống hiển thị lại giao diện quản lý giỏ hàng.
Luồng thay thế		

6.8.2. U08.2 – Cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng

ID	U08.2	
Tên chức năng	Cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng.	
Tác nhân	Khách hàng.	
Mục đích	Thay đổi số lượng sản phẩm cần mua trong giỏ hàng.	
Đầu vào	Thay đổi số lượng sản phẩm cần mua trong giỏ hàng.	
Đầu ra	Số lượng sản phẩm đã được thay đổi trong giỏ hàng.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý giỏ hàng.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý giỏ hàng.
	3. Người dùng nhấn nút “+/-” để tăng giảm số lượng sản phẩm cần mua.	4. Hệ thống sẽ lưu sản phẩm và số lượng có trong giỏ

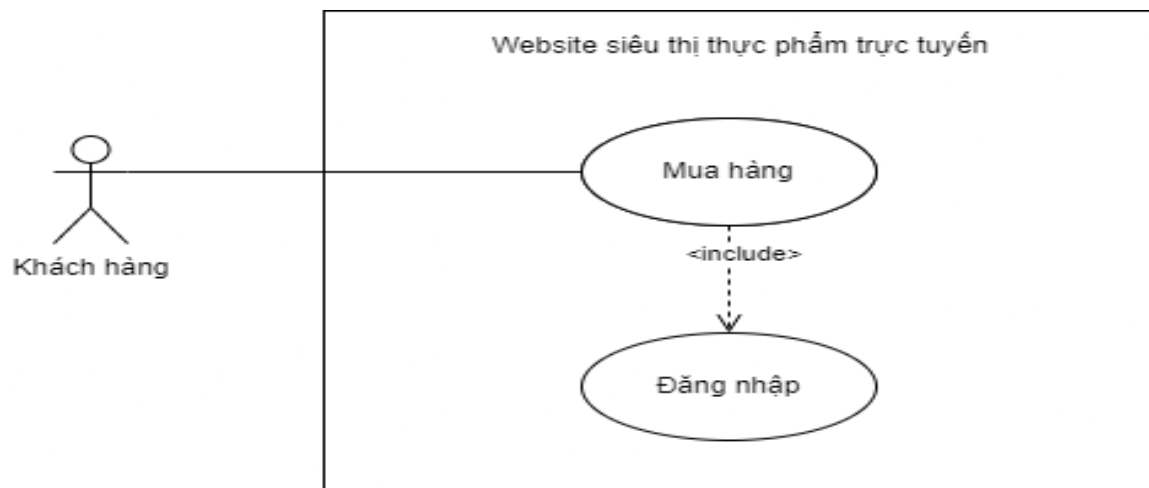
		hàng và cập nhật tổng tiền trong giao diện quản lý giỏ hàng.
Luồng thay thế		

6.8.3. U08.3 – Xóa sản phẩm trong giỏ hàng

ID	U08.3	
Tên chức năng	Xóa sản phẩm trong giỏ hàng	
Tác nhân	Khách hàng.	
Mục đích	Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng	
Đầu vào	Sản phẩm cần xóa	
Đầu ra	Hiển thị lại danh sách giỏ hàng sau khi xóa.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng quản lý giỏ hàng.	2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý giỏ hàng.
	3. Người dùng nhấn nút “Xóa” (biểu tượng thùng rác) ở sản phẩm cần xóa.	4.1. Hệ thống tiến hành xóa sản phẩm.
		4.2. Hệ thống hiển thị cập nhật tổng tiền trong giao diện quản lý giỏ hàng.

Luồng thay thế	
-----------------------	--

6.9. U09 – Mua hàng

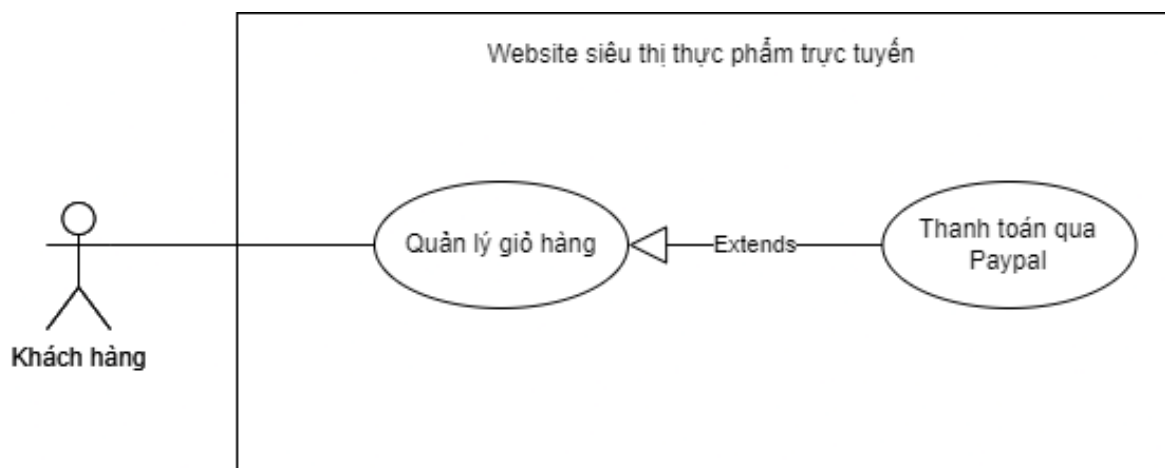


Hình 2.10: Biểu đồ Use case mua hàng

ID	U09	
Tên chức năng	Mua hàng	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Mua sản phẩm từ siêu thị.	
Đầu vào	Đăng nhập, chọn sản phẩm và thông tin khách hàng.	
Đầu ra	Mua hàng thành công hay thất bại.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng kích chọn nút “Mua ngay”	2. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin tên sản phẩm, giá, số lượng, thông tin liên lạc,

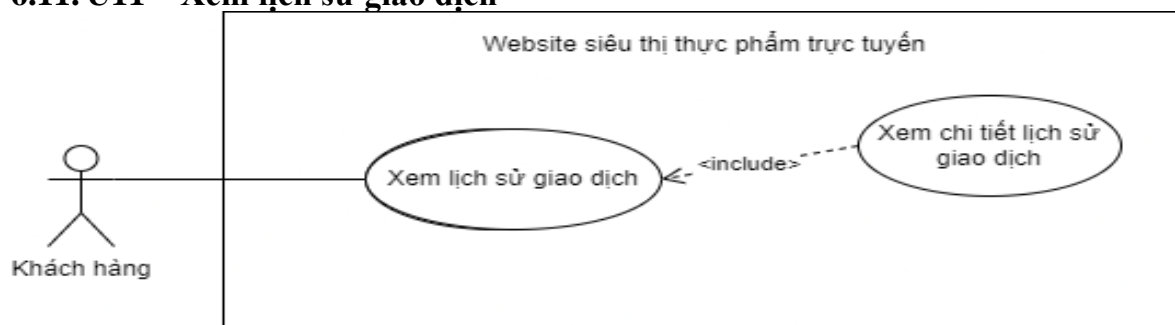
		hình thức thanh toán qua Paypal.
	3. Người dùng nhập thông tin cần thiết, nhấp chọn đồng ý với “Thanh toán Paypal”.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào
		5.1.Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo “Mua thành công”
		5.2.Nếu thông tin không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập thông tin hợp lệ.
Luồng thay thế	4.2. Nếu bỏ trống bất kỳ trường nào trong các trường hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ thông tin.	

6.10. U10 – Thanh toán



Hình 2.11: Biểu đồ Use case thanh toán

ID	U10	
Tên chức năng	Thanh toán	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Hỗ trợ thanh toán qua Paypal.	
Đầu vào	Thông tin thanh toán đơn mua hàng của khách hàng	
Đầu ra	Thanh toán thành công sản phẩm được mua.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng thanh toán.	2. Hệ thống hiển thị giao diện hình thức thanh toán (Thanh toán PayPal)
	3. Người dùng nhập thông tin thanh toán và nhấn nút “Thanh toán”.	4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập vào
		5.1. Nếu thông tin hợp lệ, cập nhật và hiển thị thông báo thanh toán thành công.
		5.2. Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo thông tin tài khoản không chính xác, thanh toán không thành công.
Luồng thay thế	5.3. Nếu bỏ trống thông tin thanh toán hệ thống sẽ yêu cầu nhập đầy đủ.	

6.11. U11 – Xem lịch sử giao dịch

Hình 2.12: Biểu đồ Use case xem lịch sử giao dịch.

ID	U11	
Tên chức năng	Xem lịch sử giao dịch	
Tác nhân	Khách hàng	
Mục đích	Xem chi tiết lịch sử đã giao dịch trước đó của khách hàng.	
Đầu vào	Đã giao dịch thành công từ siêu thị.	
Đầu ra	Chi tiết lịch sử đã mua hàng.	
Luồng sự kiện chính	Tác nhân	Hệ thống
	1. Người dùng chọn chức năng xem lịch sử giao dịch.	2. Hệ thống hiển thị giao diện danh sách lịch sử giao dịch.
	3. Người dùng nhấn vào một giao dịch bất kỳ để xem chi tiết	4. Hệ thống hiển thị giao diện chi tiết của giao dịch đó.
Luồng thay thế		

